

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/HS-PT

Ngày: 25/05/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hà Ngân

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Vinh và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2026/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo Lê Tấn Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2026/HS-ST ngày 18-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Lâm Đồng.

Lê Tấn Đ, sinh ngày 04/11/1998; nơi sinh tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn S, xã T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước 075098000778 do sát QLHC về TTXH cấp ngày 26/5/2025; con ông Lê Tấn P, sinh năm 1973 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; chưa có vợ, con; tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 661/2023/HS-ST ngày 05/12/2023, của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt Lê Tấn Đ 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 11/02/2025 đã chấp hành xong hình phạt và án phí, chưa được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Đ – Cơ sở 2 - có mặt.

Bị hại: Bà Điêu Thi L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Văn X, sinh năm 1965; Địa chỉ: Bon P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Đồng Nai - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/10/2025, Lê Tấn Đ điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu DREAM (không có biển kiểm soát) từ Thôn T, xã T, tỉnh Đồng Nai đến xã Q, tỉnh Lâm Đồng thì Đ nhìn thấy một biển quảng cáo, ghi nội dung “mua, bán bò” dựng bên lề đường, có ghi số điện thoại 0347.474.331 của ông Võ Văn X nên Đ đã lưu số điện thoại trên vào điện thoại của mình. Do không có tiền tiêu xài cá nhân, Đ nảy sinh ý định trộm cắp bò đem đi bán.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô di chuyển đến B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng thì phát hiện 01 con bò màu nâu – vàng của bà Điêu Thị L đang buộc tại vườn cây điều không có người trông coi. Đ đi đến tháo dây thừng và dắt bò theo đường đất đi lên vị trí để xe máy. Khi đến nơi, Đ nổ xe máy, một tay cầm dây thừng dắt bò, tay còn lại điều khiển xe đi ra hướng đường lớn. Khi đến đường bê tông, Đ buộc con bò vào gốc cây điều và lấy điện thoại gắn sim số 0349.841.589 gọi vào số 0347.474.331 mà Đ đã lưu thì gặp ông Võ Văn X, Đ hỏi “chú có mua bò không”, ông X trả lời là “có”, ông X hỏi Đ ở đâu để ông X đến xem bò thì Đ nói đang ở Khu G thuộc Thôn B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Đ hẹn gặp ông X chỗ cây cầu đang xây, rồi Đ đón ông X đi xem bò. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, ông X đến gặp Đ và xem bò, ông X có hỏi bò này của ai, do sợ bị lộ nên Đ nói bò của chị gái Đ nhà ở xã Q, tỉnh Lâm Đồng nhờ Đ bán hộ. Sau đó cả hai thống nhất bán bò với giá 11.300.000 đồng. X nói Đ dắt bò ra đầu đường để ông X thuê xe chở bò về, sau khi chở về mới thanh toán tiền. Do chờ lâu nên Đ trực tiếp dắt bò lên nhà ông X. Khi đến nơi, Đ yêu cầu ông X trả thêm 200.000 đồng, vì Đ dắt bò lên tận nhà, không phải thuê xe chở. Lúc này ông X chỉ còn lại số tiền 11.470.000 đồng nên đưa cho Đ và Đ đồng ý lấy số tiền trên. Ông X nghi ngờ Đ trộm bò của người khác nên ông X lấy điện thoại ra quay lại và yêu cầu Đ xác nhận thông tin, Đ nói dối tên Lê Thành D và bán bò hộ chị gái. Sau khi nhận tiền, Đ tiêu xài cá nhân hết 8.970.000 đồng, còn số tiền 2.500.000 đồng Đ vẫn giữ trong người.

Ngày 21/10/2025, sau khi được vận động, Lê Tấn Đ đưa số tiền 2.500.000 đồng còn lại cho mẹ là bà Nguyễn Thị H để trả cho ông X rồi đến Công an xã Q, tỉnh Lâm Đồng đầu thú và khai nhận hành vi trộm bò trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2025, của Hội đồng định giá tài sản [Ủy ban nhân dân xã Q](#), tỉnh Lâm Đồng kết luận: Giá trị tài sản (bò cái, trọng lượng 320kg, nuôi lấy thịt) tại thời điểm định giá ngày 20/10/2025 có giá trị 24.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKS-KV7 ngày 03/02/2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng đã truy tố bị cáo [Lê Tấn Đ](#) về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (viết tắt: BLHS)..

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2026/HS-ST ngày 18-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng quyết định: Tuyên bố bị cáo [Lê Tấn Đ](#) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo [Lê Tấn Đ](#) (một) năm 9 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/10/2025

Ngày 30-03-2026, bị cáo [Lê Tấn Đ](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, [Lê Tấn Đ](#) thừa nhận Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng xử phạt bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, trình bày quan điểm: Mặc dù tại phiên tòa có căn cứ bị cáo tự thú về hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Xuất phát từ mục đích có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo [Lê Tấn Đ](#) đã chủ động nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Khi đi đến khu vực [B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng](#), phát hiện 01 con bò của bà [Điêu Thị L](#) đang bị buộc tại vườn điều, không có người trông coi, bị cáo đã lợi dụng sơ hở này, lén lút tháo dây dắt bò ra khỏi nơi quản lý của chủ sở hữu. Không dừng lại ở việc chiếm đoạt, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi nhằm hợp thức hóa việc chiếm đoạt tài sản khi chủ động liên hệ tìm người mua, trực tiếp thỏa thuận và bán con bò cho ông [Võ Văn X](#) để lấy số tiền 11.470.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân. Chuỗi hành vi của bị cáo thể hiện rõ ý thức chiếm đoạt ngay từ đầu, được thực hiện một cách lén

lút, có tính toán và bị cáo đã thực tế chiếm đoạt tài sản đó. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 24.000.000 đồng theo kết luận định giá. Với hành vi nêu trên, bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo [Lê Tấn Đ](#) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Bị cáo [Lê Tấn Đ](#) kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Cụ thể, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: sau khi phạm tội đã đầu thú, thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thêm. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án về tội xâm phạm sở hữu, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, cần xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Mức hình phạt 01 năm 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tương xứng với nhân thân của bị cáo và nằm trong khung hình phạt do luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật để làm căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; cần giữ nguyên mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Từ những căn cứ nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa là phù hợp, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Lê Tấn Đ](#), giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2026/HS-ST ngày 18-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

Tuyên bố bị cáo [Lê Tấn Đ](#) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo [Lê Tấn Đ](#) 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/10/2025

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh L](#) trả lại cho bà [Điều Thị L](#) 01 con bò lông màu vàng - nâu, giống bò cái có trọng lượng 320kg là tài sản hợp pháp của bà [Điều Thị L](#).

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh L](#) đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà [Nguyễn Thị H](#) 01 xe mô tô biển kiểm soát: 70H3-6458 là tài sản hợp pháp của [Nguyễn Thị H](#).

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 thẻ nhớ lưu giữ hình ảnh và video do bà [Vũ Thị X1](#) cung cấp; 01 thẻ nhớ lưu giữ video do ông [Võ Văn X](#) cung cấp là chứng cứ, dữ liệu điện tử của vụ án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo [Lê Tấn Đ](#) phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Lâm Đồng;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Bị cáo; NTGTTK;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Dương Hà Ngân

